

Sách Daniel - Số năm mươi

Khai mở những huyền nhiệm tiên tri của Đa-ni-ên 8: Mạc Khải của Palmoni

Jeff Pippenger

2024-01-14

Trong Đa-ni-ên chương tám, Đa-ni-ên được ban cho một Khải tượng về các vương quốc trong lời tiên tri Kinh Thánh, và sau đó ông nghe một cuộc đối thoại trên trời được thể hiện qua một câu hỏi và một câu trả lời.

Bấy giờ tôi nghe một vị thánh nói, và một vị thánh khác nói với vị thánh đang nói: Bao lâu nữa thì Khải tượng về của lễ hằng ngày và sự vi phạm gây nên cảnh hoang tàn sẽ còn kéo dài, để cả đền thánh và đạo binh đều bị giày đạp? Người nói với tôi: Cho đến hai nghìn ba trăm ngày; bấy giờ đền thánh sẽ được thanh tẩy. Đa-ni-ên 8:13, 14.

Mười hai câu đầu trình bày Khải tượng, còn các câu 13 và 14 nêu ra một Khải tượng khác. Cũng như có hai từ tiếng Hê-bơ-rơ khác nhau đều được dịch là "take away" và hai từ tiếng Hê-bơ-rơ khác nhau đều được dịch là "sanctuary", thì trong Đa-ni-ên đoạn tám cũng có hai từ tiếng Hê-bơ-rơ khác nhau đều được dịch là "vision".

Khi nói đến hai từ được dịch là "lấy đi", các nhà thần học của phái Cơ Đốc Phục Lâm lập luận rằng cả hai đều nên được hiểu là "loại bỏ". Khi nói đến hai từ được dịch là "đền thánh", các nhà thần học của phái Cơ Đốc Phục Lâm cho rằng cả hai đều nên được hiểu là "đền thánh của Đức Chúa Trời", và khi nói đến hai từ được dịch là "Khải tượng", các nhà thần học của phái Cơ Đốc Phục Lâm, một lần nữa, bỏ qua những khác biệt giữa hai từ ấy. Sự phân biệt này quan trọng đối với Daniel đến mức ông cố ý dùng hai từ tiếng Hê-bơ-rơ rất khác nhau, vì vậy chúng ta nên nhận diện và giữ vững sự phân biệt ấy. Từ "khải tượng" ở câu mười ba là từ Hê-bơ-rơ "chazon", và nó có nghĩa là một giấc mơ, một mặc Khải, hoặc một sấm ngôn—một Khải tượng.

Từ "vision" xuất hiện mười lần trong sách Daniel chương 8, nhưng thực ra tương ứng với hai từ tiếng Hê-bơ-rơ khác nhau. "Chazon", xuất hiện ở câu 13, cũng gặp ở câu 1, rồi hai lần ở câu 2, dĩ nhiên là câu 13, và một lần ở các câu 15, 17 và 26. Trong bảy trên mười lần từ "vision" xuất hiện ở Daniel chương 8, đó là từ "chazon", đơn giản có nghĩa là "một Khải tượng".

Ba lần còn lại mà từ "vision" xuất hiện trong chương tám sách Daniel, đó là từ tiếng Do Thái "mareh," nghĩa là một cảnh nhìn, hoặc một sự xuất hiện. Trong chương tám, từ tiếng Do Thái "mareh," cũng được một lần dịch không phải là "vision" mà là "appearance," qua đó xác định rõ hơn ý nghĩa của từ. Tại sao Daniel lại dùng hai từ tiếng Do Thái khác nhau, có nghĩa gần nhau đến mức các dịch giả xem chúng như cùng một từ? Điều đó có quan trọng không?

"Mỗi nguyên tắc trong Lời Đức Chúa Trời đều có chỗ của nó; mỗi sự thật đều có ý nghĩa riêng. Và toàn bộ cấu trúc ấy, trong cả thiết kế lẫn thực hiện, làm chứng cho Tác Giả của nó. Một cấu trúc như thế, chỉ có trí tuệ của Đấng Vô Hạn mới có thể nghĩ ra hoặc tạo nên." Giáo dục, 123.

Câu trả lời cho câu hỏi thứ hai là Có, rằng lý do Daniel đưa ra sự phân biệt ấy thật sự quan trọng; vì vậy trách nhiệm thuộc về người nghiên cứu lời tiên tri là tìm cách hiểu câu hỏi thứ nhất, tức là vì sao Daniel đã làm sự phân biệt đó. Những sự phân biệt ông đưa ra liên quan đến từ được dịch là "sanctuary" và từ được dịch là "take away" có những hệ quả đời đời; vậy tại sao lại mong đợi tầm quan trọng kém hơn đối với từ được dịch là "vision"? "Mỗi sự kiện" đều có "tác động riêng của nó" "trong lời của Đức Chúa Trời", và ảnh hưởng đến "cấu trúc" của lời tiên tri, cũng như sự ứng nghiệm của lời tiên tri khi nó được "thi hành".

Khi chúng ta bắt đầu xem xét từ "khải tượng" trong chương tám, một "sự kiện" có "liên hệ" đến lời chứng của Daniel là ai đã trả lời câu hỏi trong Daniel chương tám, câu mười ba bằng câu: "Cho đến hai nghìn ba trăm ngày; bây giờ đền thánh sẽ được thanh tẩy."

Có bốn sự thật có "liên hệ" trực tiếp đến chương tám của sách Đa-ni-ên, mà tôi dự định sẽ đề cập. Một điều là Khải tượng về sông Ulai đã được xem là một lời tiên tri cho những ngày sau rốt, và nó cũng là biểu tượng của "sự thông biết" của sách Đa-ni-ên, vốn đã được "mở ấn" vào "thời kỳ cuối cùng" năm 1798.

Cần có sự nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời một cách sát sao hơn nhiều. Đặc biệt, sách Đa-ni-ên và Khải Huyền cần được chú ý như chưa từng có trong lịch sử công việc của chúng ta. Có thể chúng ta sẽ nói ít hơn ở một số phương diện liên quan đến quyền lực La Mã và giáo hoàng quyền, nhưng chúng ta nên hướng sự chú ý đến những gì các đấng tiên tri và các sứ đồ đã viết dưới sự soi dẫn của Đức Thánh Linh. Đức Thánh Linh đã sắp đặt mọi sự như vậy, cả trong việc ban cho lời tiên tri lẫn trong các biến cố được mô tả, để dạy rằng tác nhân là con người phải ẩn đi, ẩn mình trong Đấng Christ, còn Chúa là Đức Chúa Trời trên trời và luật pháp của Ngài phải được tôn cao.

Hãy đọc sách Đa-ni-ên. Hãy điếm lại, từng điếm một, lịch sử của các vương quốc được mô tả ở đó. Hãy nhìn các chính khách, các hội đồng, những đạo quân hùng mạnh, và xem Đức Chúa Trời đã hành động để hạ thấp sự kiêu ngạo của loài người và đặt vinh quang con người vào bụi đất như thế nào. Chỉ một mình Đức Chúa Trời được bày tỏ là vĩ đại. Trong Khải tượng của nhà tiên tri, người ta thấy Ngài quật đổ một kẻ cầm quyền hùng mạnh và dựng lên một kẻ khác. Ngài được bày tỏ là Chúa tể của vũ trụ, sắp lập vương quốc đời đời của Ngài—Đấng Thượng Cổ, Đức Chúa Trời hằng sống, Nguồn của mọi sự khôn ngoan, Đấng Tể Trị hiện tại, Đấng tỏ bày tương lai. Hãy đọc và hiểu con người nghèo hèn, mỏng manh, chóng tàn, sai lạc, tội lỗi biết bao khi tự cất lòng mình lên theo sự hư không.

Đức Thánh Linh, qua Ê-sai, hướng chúng ta đến với Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời hằng sống, như đối tượng chính của sự chú ý—đến Đức Chúa Trời như đã được bày tỏ trong Đấng Christ. "Vì một con trẻ đã sinh cho chúng ta, một con trai đã được ban cho chúng ta; quyền cai trị sẽ ở trên vai Ngài; và danh Ngài sẽ được gọi là Lạ Lùng, Đấng Cố Vấn, Đức Chúa Trời quyền năng, Cha Đòi Đòi, Chúa Bình An" [Ê-sai 9:6].

Ánh sáng mà Đa-ni-ên nhận trực tiếp từ Đức Chúa Trời đã được ban cách đặc biệt cho những ngày sau rốt này. Những Khải tượng ông thấy bên bờ sông Ulai và Hiddekel, những dòng sông lớn của Shinar, hiện đang dần được ứng nghiệm, và mọi biến cố đã được tiên báo sẽ sớm xảy đến.

Hãy xem xét hoàn cảnh của dân tộc Do Thái khi các lời tiên tri của Đa-ni-ên được ban ra. Người Ít-ra-ên đang bị lưu đày, đền thờ của họ đã bị phá hủy, việc phụng sự trong đền thờ bị đình chỉ. Tôn giáo của họ đã tập trung vào các nghi lễ của hệ thống tế lễ. Họ đã coi những hình thức bề ngoài là điều tối quan trọng, trong khi đánh mất tinh thần của sự thờ phượng chân thật. Các buổi thờ phượng của họ đã bị bại hoại bởi những truyền thống và tập tục của ngoại giáo, và khi cử hành các nghi thức tế lễ, họ đã không nhìn vượt qua cái bóng để thấy thực tại. Họ đã không nhận ra Đấng Christ, của lễ thật cho tội lỗi của loài người. Chúa đã hành động để đưa dân vào cảnh lưu đày và đình chỉ các việc phụng sự trong đền thờ, để các nghi lễ bề ngoài không trở thành toàn bộ tôn giáo của họ. Các nguyên tắc và thực hành của họ phải được tẩy sạch khỏi ngoại giáo. Nghi lễ đã chấm dứt để sự thờ phượng từ tâm lòng được phục hồi. Vinh quang bề ngoài đã bị cất bỏ để điều thuộc linh được bày tỏ.

"Trong xứ lưu đày của họ, khi dân sự quay về cùng Chúa với lòng ăn năn, Ngài đã tỏ mình ra cho họ. Họ thiếu những dấu hiệu bề ngoài về sự hiện diện của Ngài; nhưng những tia sáng rực rỡ của Mặt Trời của Sự Công Chính đã chiếu rọi vào tâm trí và tâm lòng họ. Khi họ kêu cầu Đức Chúa Trời trong sự hạ mình và hoạn nạn, các khái tượng được ban cho các tiên tri của Ngài, bày tỏ những sự kiện của tương lai—sự lật đổ những kẻ áp bức dân của Đức Chúa Trời, sự đến của Đấng Cứu Chuộc, và sự thiết lập vương quốc đời đời." Manuscript Releases, tập 16, 333-335.

"Sự kiện" rằng khái tượng về Sông Ulai được ban cho những ngày sau cùng đòi hỏi một người học về lời tiên tri phải nỗ lực hiểu điều nó đã báo trước về các biến cố được thể hiện trong khái tượng. Các "vấn đề" mang tính tiên tri liên quan đến khái tượng về Sông Ulai đã được "định hình" bởi "Đức Thánh Linh" "cả trong việc ban lời tiên tri lẫn trong các sự kiện được trình bày." Điều đã xảy ra với một nhà tiên tri khi vị ấy nhận khái tượng, cũng như những sự kiện của lời tiên tri mà vị ấy xác định, cần được nghiên cứu, với nhận thức rằng cả hai đều là sự mô tả mang tính tiên tri về những gì sẽ được ứng nghiệm trong những ngày sau cùng. Đoạn trước nhấn mạnh rằng chúng ta nên nhận biết rằng Đa-ni-ên đang ở trong cảnh lưu đày của "bảy thời kỳ".

Đa-ni-ên đại diện cho những người nhận ra cảnh lưu đày của mình vào lúc kết thúc ba ngày rưỡi trong Khải Huyền đoạn 11, rồi quay về cùng Chúa với lòng ăn năn, thực hiện lời cầu nguyện theo Lê-vi Ký đoạn 26, tách điều quý báu khỏi điều ô uế; và rồi Chúa làm trọn lời hứa quy tụ những người đã bị tản lạc, khi Ngài bày tỏ chính mình Ngài cho họ. "Đối tượng chú ý chủ yếu" của họ, vì thế, là "Đức Chúa Trời như được bày tỏ trong Đấng Christ."

"Ý nghĩa" của khái tượng về sông Ulai, và cách nó góp phần vào "cấu trúc" của sứ điệp tiên tri được "thiết kế" bởi Đấng Christ, là "sự kiện" đầu tiên chúng ta đã xem xét sơ lược, và đoạn trích dẫn cho thấy mục tiêu chủ yếu của chúng ta nên là sự mạc khải về Đức Chúa Trời, như "được bày tỏ trong Đấng Christ." Trong chương tám của sách Daniel, Đấng Christ không được trình bày như cách Isaiah đã trình bày về Ngài, khi Isaiah nói rằng "danh Ngài sẽ được gọi là Lạ lũng, Đấng cố vấn, Đức Chúa Trời quyền năng, Cha đời đời, Hoàng tử hòa bình." Trong chương tám của sách Daniel, Đức Chúa Trời được bày tỏ trong Đấng Christ là Palmoni, nghĩa là Đấng định số lạ lũng, hay Đấng định số các điều kín nhiệm.

"Sự kiện" đó đòi hỏi rằng phải tìm kiếm "ý nghĩa" của tên "Palmoni", cùng với cách mà tên ấy góp phần vào "cấu trúc" và "thiết kế" của lời tiên tri. Một "sự kiện" thứ ba trong Đa-ni-ên chương tám, cần được ghi nhận, là chính trong chương đó trụ cột giáo lý trung tâm của phong trào Millerite được trình bày. Viên ngọc sáng nhất của Miller được tìm thấy ở câu mười bốn, và chúng ta nên tìm hiểu "ý nghĩa" mà "sự kiện" đó có đối với khái tượng về Sông Ulai, hiện đang trong quá trình ứng nghiệm.

Trong giấc mơ của Miller, khi chiếc hòm được đặt lên bàn ở giữa phòng của ông, nó tỏa sáng rực rỡ như mặt trời; nhưng trong những ngày sau rớt, chiếc hòm lớn hơn và chiếu sáng gấp mười lần so với lúc mới được đặt lên bàn của Miller. Điều gì trong khái tượng về sông Ulai, vốn bao gồm trụ cột trung tâm của phong trào Miller, khiến ánh sáng của giáo lý ấy tăng lên gấp mười lần trong những ngày sau rớt? Điều gì được bày tỏ trong những ngày sau rớt mà đã không được bày tỏ vào thời kỳ cuối cùng năm 1798? Những "sự kiện" của khái tượng về sông Ulai mà Bà White nói là "hiện đang trong tiến trình ứng nghiệm" là những gì?

Nếu chúng ta thẳng thắn gộp ba sự thật đầu tiên này lại với nhau (khái tượng tại Ulai, Đấng Christ được bày tỏ là Palmoni và trụ cột giáo lý trung tâm), chúng ta nên sẵn sàng chấp nhận một tiền đề đơn giản sẽ tác động đến việc nghiên cứu khái tượng tại sông Ulai của chúng ta. Những sự thật kết hợp đó cho thấy, đối với những ai muốn nhìn nhận, rằng sứ điệp được mở ấn vào năm 1798 là một sứ điệp "gắn trên thời gian". Nếu không có yếu tố của các lời tiên tri về thời kỳ mang tính dự báo, sứ điệp của Miller đã không thể tồn tại.

"Sự kiện" thứ tư có liên quan đến chương này là những người Millerite đã trình bày một sứ điệp dựa trên thời kỳ tiên tri. Để nhấn mạnh sự kiện này, trong các câu mười ba và mười bốn, Đức Chúa Trời đã được bày tỏ trong Đấng Christ như Đấng Đếm Kỳ Diệu (Palmoni). Quan niệm cho rằng khái tượng chỉ nhằm xác định ngày 22 tháng 10 năm 1844 là sự kết thúc của hai nghìn ba trăm ngày ở câu mười bốn, tức là dội gáo nước lạnh lên sự mặc khải rằng Đức Chúa Trời được bày tỏ qua Đấng Christ như Palmoni.

Những nhà thần học của phái Cơ Đốc Phục Lâm đã miệt mài làm việc để chôn vùi ý nghĩa của câu hỏi ở câu mười ba, chương tám sách Đa-ni-ên, nhằm tăng thêm mùi vị cho mớ chuyện bịa đặt của họ, mà họ tin chắc sẽ giữ chân những kẻ thiếu hiểu biết, tai ngửa ngáy muốn nghe điều lạ, để họ không bận tâm đến các lẽ thật gắn liền với trụ cột trung tâm của phái Cơ Đốc Phục Lâm.

Câu Kinh Thánh hơn hẳn mọi câu khác từng vừa là nền tảng vừa là trụ cột trung tâm của đức tin về sự tái lâm là lời tuyên bố: "Cho đến hai nghìn ba trăm ngày; bấy giờ nơi thánh sẽ được thanh tẩy." [Đa-ni-ên 8:14.] Những lời này vốn quen thuộc với mọi người tin rằng Chúa sắp trở lại. Hàng ngàn người đã nhắc đi nhắc lại lời tiên tri này như khẩu hiệu đức tin của họ. Ai nấy đều cảm thấy rằng những kỳ vọng rạng rỡ nhất và những niềm hy vọng quý giá nhất của họ đều tùy thuộc vào các biến cố được báo trước trong đó. Những ngày tiên tri này đã được chỉ ra là kết thúc vào mùa thu năm 1844. Giống như phần còn lại của thế giới Cơ Đốc, khi ấy những người trông đợi sự tái lâm cho rằng trái đất, hoặc một phần nào của nó, là nơi thánh. Họ hiểu rằng việc thanh tẩy nơi thánh chính là việc thanh luyện trái đất bằng lửa của ngày lớn cuối cùng, và rằng điều ấy sẽ xảy ra vào kỳ tái lâm. Vì thế họ kết luận rằng Đấng Christ sẽ trở lại trên đất vào năm 1844.

Nhưng thời kỳ đã định đã qua, và Chúa vẫn chưa hiện ra. Các tín hữu biết rằng Lời Đức Chúa Trời không thể thất bại; cách họ hiểu lời tiên tri hẳn là có sai sót; nhưng sai ở đâu? Nhiều người đã vội vã chặt đứt nút thắt khó khăn bằng cách phủ nhận rằng 2300 ngày đã chấm dứt vào năm 1844. Không thể đưa ra lý do nào cho điều này, ngoại trừ việc Đấng Christ đã không đến vào thời điểm họ trông đợi Ngài. Họ lập luận rằng nếu những ngày tiên tri đã chấm dứt vào năm 1844, thì khi ấy Đấng Christ đã trở lại để thanh tẩy đền thánh bằng việc thanh luyện trái đất bằng lửa; và bởi vì Ngài đã không đến, nên những ngày ấy không thể đã chấm dứt.

Chấp nhận kết luận này tức là từ bỏ cách tính trước đây về các thời kỳ tiên tri. 2300 ngày đã được xác định là bắt đầu khi chiếu chi của Artaxerxes về việc khôi phục và xây dựng Giê-ru-sa-lem có hiệu lực, vào mùa thu năm 457 TCN. Lấy đó làm điểm khởi đầu, có sự ăn khớp hoàn toàn trong việc áp dụng mọi sự kiện đã được báo trước trong lời giải thích về thời kỳ ấy ở Đa-ni-ên 9:25-27. Sáu mươi chín tuần lễ, tức 483 năm đầu của 2300 năm, sẽ đạt đến Đấng Mê-si, Đấng được xúc dầu; và lễ báp-têm của Đấng Christ cùng sự xúc dầu bởi Đức Thánh Linh vào năm 27 SCN đã ứng nghiệm chính xác điều được chỉ định. Ở giữa tuần lễ thứ bảy mươi, Đấng Mê-si sẽ bị trừ đi. Ba năm rưỡi sau lễ báp-têm của Ngài, Đấng Christ bị đóng đinh, vào mùa xuân năm 31 SCN. Bảy mươi tuần lễ, tức 490 năm, đặc biệt liên quan đến dân Do Thái. Khi thời kỳ này mãn hạn, dân tộc ấy đóng ấn sự khước từ Đấng Christ bằng việc bắt bớ các môn đồ của Ngài, và các sứ đồ quay sang dân Ngoại, vào năm 34 SCN. Vì 490 năm đầu của 2300 đã chấm dứt, còn lại 1810 năm. Từ năm 34 SCN, 1810 năm kéo dài đến năm 1844. 'Bây giờ,' thiên sứ nói, 'đền thánh sẽ được thanh tẩy.' Mọi chi tiết được nêu ra trong lời tiên tri đều đã được ứng nghiệm không thể chối cãi vào thời điểm đã định. Với cách tính này, mọi sự đều rõ ràng và hài hòa, ngoại trừ việc người ta không thấy có biến cố nào tương ứng với sự thanh tẩy đền thánh đã diễn ra vào năm 1844. Phủ nhận rằng các ngày kết thúc vào thời điểm ấy là khiến toàn bộ vấn đề rơi vào rối rắm, và là từ bỏ những lập trường đã được xác lập bởi những sự ứng nghiệm không thể làm lẫn của lời tiên tri.

"Nhưng Đức Chúa Trời đã dẫn dắt dân Ngài trong phong trào Tái Lâm vĩ đại; quyền năng và vinh hiển của Ngài đã đồng hành với công cuộc ấy, và Ngài sẽ không cho phép nó kết thúc trong sự tối tăm và thất vọng, để rồi bị chê trách như một sự kích động giả dối và cuồng tín. Ngài sẽ không để Lời Ngài bị bao phủ bởi sự nghi ngờ và bất định. Dẫu nhiều người đã bỏ cách tính trước đây của họ về các thời kỳ tiên tri và phủ nhận tính đúng đắn của phong trào dựa trên đó, những người khác không muốn từ bỏ những điểm đức tin và kinh nghiệm đã được Kinh Thánh và lời chứng của Thánh Linh Đức Chúa Trời xác nhận. Họ tin rằng họ đã áp dụng những nguyên tắc giải nghĩa vững chắc trong việc nghiên cứu các lời tiên tri, và rằng đó là bản phân của họ phải giữ chặt những lẽ thật đã đạt được và tiếp tục cùng một lối nghiên cứu Kinh Thánh. Với lời cầu nguyện tha thiết, họ xem xét lại lập trường của mình và nghiên cứu Kinh Thánh để tìm ra sai lầm của mình. Vì họ không thấy có sai sót nào trong cách tính các thời kỳ tiên tri, họ được dẫn dắt để xem xét kỹ hơn về vấn đề đền thánh." Đại Tranh Chiến, 409, 410.

Chúng ta đã được Bà White cho biết, ngay trong cùng đoạn văn nơi khái tượng về sông Ulai được xác định, rằng "cần có một sự nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời sát sao hơn nhiều." Các nhà thần học sẽ trình bày chủ đề "các kỳ hạn tiên tri" trong đoạn trước đó của The Great Controversy, như thể "các kỳ hạn tiên tri" mà Bà White giới hạn lời bình của mình vào đó chính là năm lời tiên tri được bao hàm trong lời tiên tri hai nghìn ba trăm năm. Rốt cuộc, họ cho rằng, bốn trong số các lời tiên tri

ấy được đề cập cụ thể trong đoạn văn. Nhưng một sự “nghiên cứu kỹ lưỡng hơn nhiều” về chủ đề này cho thấy rằng thuật ngữ “các kỳ hạn tiên tri” ở dạng số nhiều, trong các trước tác của Bà White, thực ra chính xác hơn là chỉ về hai lời tiên tri sẽ được ứng nghiệm vào ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Có năm lời tiên tri về thời kỳ cụ thể mà Gabriel đã chỉ ra cho Daniel, nằm trong thời kỳ hai nghìn ba trăm năm. Lời thứ nhất xác định bốn mươi chín năm, khi “đường phố và tường thành sẽ được xây dựng trong thời kỳ khốn khó.” Lời thứ hai là phép báp-tem của Đấng Christ sau bốn trăm tám mươi ba năm tính từ mốc 457 TCN. Lời thứ ba là sự đóng đinh của Ngài, lời thứ tư xác định thời điểm Phúc âm sẽ đến với dân ngoại vào cuối thời kỳ bốn trăm chín mươi năm được dành riêng cho dân tộc Do Thái, và lời thứ năm—và chỉ duy nhất lời thứ năm—kết thúc vào ngày 22 tháng 10 năm 1844. Bốn lời tiên tri về thời kỳ trước đó đã kết thúc từ lâu trước năm 1844. Vậy, Bà White thực sự có ý gì khi bà dùng cách diễn đạt “các thời kỳ tiên tri” ở số nhiều, những thời kỳ đã định sẽ kết thúc vào năm 1844?

Khi đề cập đến nỗi thất vọng đầu tiên của những người theo phái Millerite, bà chỉ ra câu trả lời cho câu hỏi đó:

Tôi thấy dân sự của Đức Chúa Trời hân hoan trong sự trông đợi, ngóng trông Chúa của họ. Nhưng Đức Chúa Trời đã định để thử thách họ. Bàn tay Ngài đã che khuất một sai lầm trong việc tính toán các thời kỳ tiên tri. Những người trông đợi Chúa của họ đã không phát hiện ra sai lầm này, và ngay cả những người học thức nhất, những người phản đối thời điểm đó, cũng không nhận ra nó. Đức Chúa Trời đã định để dân Ngài gặp phải một sự thất vọng. Thời điểm đã qua, và những người đã trông đợi Cứu Chúa của mình với niềm hân hoan kỳ vọng trở nên buồn bã và nản lòng, còn những người không yêu mến sự hiện đến của Chúa Giê-xu, nhưng tiếp nhận sứ điệp vì sợ hãi, thì lấy làm vui vì Ngài đã không đến vào thời điểm mong đợi. Lời xưng nhận của họ đã không chạm đến tấm lòng và thanh tẩy đời sống. Sự trôi qua của kỳ hạn ấy được định liệu để bộc lộ những tấm lòng như vậy. Họ là những người đầu tiên quay lại và nhạo báng những kẻ buồn bã, thất vọng, là những người thật sự yêu mến sự hiện đến của Cứu Chúa mình. Tôi thấy sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời trong việc thử luyện dân Ngài và ban cho họ một bài thử thách dò xét để bộc lộ những kẻ sẽ chùn bước và quay lui trong giờ thử thách.

"Chúa Giê-xu và toàn thể đạo binh thiên thượng đã đoái nhìn những người đã, với niềm trông đợi ngọt ngào, khao khát được thấy Đấng mà linh hồn họ yêu mến, với lòng cảm thông và yêu thương. Các thiên sứ lướt quanh họ để nâng đỡ họ trong giờ thử thách. Những kẻ đã sao lãng không tiếp nhận sứ điệp từ trời bị bỏ trong tối tăm, và con thịnh nộ của Đức Chúa Trời bùng lên nghịch lại họ, vì họ không chịu tiếp nhận ánh sáng mà Ngài đã sai từ trời đến cho họ. Những người trung tín nhưng thất vọng ấy, những người không thể hiểu vì sao Chúa của họ đã không đến, không bị bỏ lại trong tối tăm. Họ lại được dẫn dắt đến với Kinh Thánh để khảo cứu các thời kỳ tiên tri. Bàn tay của Chúa được rút khỏi các con số, và sai lầm được làm sáng tỏ. Họ thấy rằng các thời kỳ tiên tri kéo dài đến năm 1844, và rằng chính những bằng chứng mà họ đã trình bày để chứng tỏ các thời kỳ tiên tri chấm dứt vào năm 1843 lại chứng minh rằng chúng sẽ kết thúc vào năm 1844." Những Bài Viết Buổi Đầu, 235-237.

Những "thời kỳ tiên tri" là những "thời kỳ tiên tri" "đạt tới năm 1844," mà những người theo phái Miller ban đầu đã tin là đạt tới năm 1843. Những "thời kỳ tiên tri" đạt tới năm 1844 là ba thời kỳ tiên tri, và tất cả đều được trình bày trên các bảng của Ha-ba-cúc. Một trong ba thời kỳ chỉ "chạm" đến năm 1844, và hai thời kỳ kia kéo dài tới ngày 22 tháng 10 năm 1844. Một nghìn ba trăm ba mươi lăm ngày đạt đến đúng ngày đầu tiên của năm 1844, khi sự thất vọng đầu tiên của những người theo phái Miller xảy ra, và thời kỳ trì hoãn của cả Ha-ba-cúc chương hai và của dụ ngôn mười trinh nữ trong Ma-thi-ơ chương hai mươi lăm bắt đầu.

Hai nghìn ba trăm ngày của Đa-ni-ên đoạn tám, câu mười bốn kết thúc vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, và hai nghìn năm trăm hai mươi năm của "bảy thời" chống lại vương quốc miền nam Giu-đa cũng kết thúc tại đó. Palmoni tự xưng là Đấng Đếm Kỳ Diệu trong câu mười ba của Đa-ni-ên đoạn tám, và "cấu trúc" cùng "thiết kế" tiên tri mà Ngài trình bày khi ấy bao gồm ít nhất mười lời tiên tri về thời kỳ có liên kết với nhau.

Chúng ta sẽ bắt đầu xem xét sâu hơn những sự thật này trong bài viết tiếp theo.

Đấng Christ đã ban cho thế gian một bài học nên được khắc ghi trong tâm trí và linh hồn. Ngài nói: "Đây là sự sống đời đời: ấy là để họ nhận biết Ngài, Đức Chúa Trời chân thật duy nhất, và Giê-su Christ, Đấng Ngài đã sai đến." Nhưng Sa-tan tác động trên tâm trí con người, nói rằng: Hãy làm việc này việc kia, thì các ngươi sẽ nên như các thần. Bằng lập luận lừa dối, hắn đã dẫn dắt A-đam và Ê-va nghi ngờ lời của Đức Chúa Trời, và thay thế lời ấy bằng một lý thuyết dẫn đến sự vi phạm và bất tuân. Và lỗi ngụy biện của hắn ngày nay vẫn đang làm điều nó đã làm ở Ê-đê-n. Khi Đấng Christ đến thế gian chúng ta, Ngài đã chọn những người đánh cá khiêm nhường làm nền tảng cho hội thánh của Ngài. Với những môn đồ này, Ngài cố gắng giải thích bản chất vương quốc và sứ mạng của Ngài. Nhưng sự hiểu biết hạn chế của họ đã giới hạn điều Ngài có thể bày tỏ. Họ đã tiếp nhận những lời dạy của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si; vì thế, nhiều điều họ tin là không đúng. Và dù Đấng Christ có nhiều điều muốn nói với họ, họ không thể tiếp nhận được nhiều điều Ngài khao khát truyền đạt.

Đức Kitô thấy giới tôn giáo trong thời này đầy dẫy những quan niệm sai lầm đến nỗi trong tâm trí họ không còn chỗ cho lẽ thật. Trong nền giáo dục hiện hành, các giáo viên trộn lẫn những quan niệm của các tác giả bất tín. Như vậy, họ đã gieo cỏ lùng vào tâm trí giới trẻ. Họ đưa ra những quan niệm vốn không nên trình bày cho người trẻ hay người già, chẳng hề nghĩ đến họ đang gieo thứ hạt giống nào, hoặc đến mùa gặt mà họ sẽ phải thu hoạch như là kết quả. Review and Herald, ngày 3 tháng 7, 1900.